TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Đông Nguyệt;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 310/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 113/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989;
Địa chỉ: khu phố N, phường K thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Đình D, sinh năm 1988;
Địa chỉ: khu phố N, phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày được tóm tắt như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Đình D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân được UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2014. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn anh Dinh.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nhật A, sinh ngày 12/12/2008 và Võ B, sinh ngày 29/6/2019. Ly hôn chị xin nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Đình D trình bày được tóm tắt như sau:

- Về hôn nhân: thống nhất lời trình bày nguyên đơn về thủ tục và thời gian đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được. Nay chị T xin ly hôn thì anh cũng thống nhất.

- Về con chung: Có 02 con chung như chị Trúc trình bày. Ly hôn anh không đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh yêu cầu mỗi người nuôi dưỡng 01 con, cụ thể: anh nuôi cháu nhỏ Võ B, còn cháu Võ Nhật A giao cho chị T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Võ Đình D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] **Về yêu cầu của đương sự:**

[3.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Đình D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 24/4/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2014, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị T yêu cầu ly hôn và anh D cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Nhật A, sinh ngày 12/12/2008 và Võ B, sinh ngày 29/6/2019. Ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi

dưỡng 02 con, còn anh D không đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng mà yêu cầu nuôi dưỡng cháu nhỏ B, còn cháu Nhật A giao cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu B là bé gái, cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ trong quá trình trưởng thành; còn cháu Nhật A thì tại đơn trình bày có nguyện vọng xin được ở chung với cháu B và chị T; hơn nữa hàng tháng chị T có thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng 02 con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần của các con, chấp nhận yêu cầu của chị T giao 02 con Nhật A và B cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Võ Đình D.

- Về con chung: giao 02 con chung tên Võ Nhật A, sinh ngày 12/12/2008 và Võ B, sinh ngày 29/6/2019 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Anh Võ Đình D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị T và anh Võ Đình D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009903 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã H, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu